

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29 /2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13/02/2025

V/v: Tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Nhơn**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Anh Dũng**

Bà **Lê Thị Vân**

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà **Huỳnh Thị Thùy Trang**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 657/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025, các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp 2, xã TL, huyện CL, tỉnh Tiền Giang (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Đông Văn N**, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp 3, xã TL, huyện CL, tỉnh Tiền Giang (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện ngày 11/12/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh N chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết

hôn ngày 30/12/2016 tại UBND xã TL, huyện CL, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau. Chị và anh N đã sống ly thân từ giữa năm 2024 cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung tên Đồng Thiên B, sinh ngày 15/01/2023. Hiện nay cháu B sống với anh N. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị làm công nhân thu nhập hàng tháng hơn 10.000.000đồng, khi chị đi làm thì cháu B do bà ngoại chăm sóc.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*\* Tại phiên hòa giải ngày 17/01/2025 của Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn anh Đồng Văn N trình bày:*

Về hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của chị D về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, thời gian, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân. Nay chị D yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đồng Thiên B, sinh ngày 15/01/2023. Hiện nay cháu B sống với anh. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu B, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh làm lao động tự do, làm vườn, ruộng, khi rảnh đi làm thợ hồ để có thêm thu nhập, hiện tại anh có thu nhập ổn định, đủ đảm bảo cuộc sống của con. Hàng ngày khi anh đi làm thì cháu B do ông bà nội chăm sóc.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị D, xét thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Đồng Văn N chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn ngày 30/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện CL, tỉnh Tiền Giang nên được công nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo chị D trình bày, chị và anh N phát sinh mâu thuẫn từ năm 2024, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau. Chị và anh N đã sống ly thân từ giữa năm 2024 cho đến nay. Tại phiên hòa giải của Tòa án và tại phiên tòa bị đơn anh N đồng ý ly hôn với chị D. Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh N là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.2] Về con chung: Chị D và anh N con 01 chung tên Đồng Thiên B, sinh ngày 15/01/2023. Hiện nay cháu B sống với anh N. Khi ly hôn chị D và anh N đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B.

Qua trình bày của chị D và anh N, Hội đồng xét xử nhận thấy anh N và chị D đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu B. Chị D và anh N đều thừa nhận khi cháu B sống với cha hay mẹ đều được chăm sóc tốt. Tuy nhiên, xét thấy cháu Đồng Thiên B dưới 36 tháng tuổi, căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Hiện tại chị D là công nhân, thu nhập hàng tháng hơn 10.000.000đồng, khi chị D đi làm cháu B được bà ngoại chăm sóc. Căn cứ vào quy định của pháp luật, điều kiện thực tế nuôi con của chị D, Hội đồng xét xử giao cháu B cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.3] Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.5] Về nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Đồng Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đồng Thiên B, sinh ngày 15/01/2023 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Đồng Văn N được quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị D đã nộp 300.000đồng tạm ứng phí theo biên lai thu số 0002796 ngày 24/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, do đó xem như đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị D và anh Đồng Văn N có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Trần Văn Nhơn**

